

Vấn Đáp

Đại cương Vi Diệu Pháp và Tâm

Tỳ kheo Chánh Minh
Chùa Bồ Đề, Vũng Tàu

Xin lưu ý: Cần có phông UnicodeViệt-Phạn [VU Times](#) hay [CN-Times](#) cài vào máy để đọc các chữ Pāli.

TÂM VẤN ĐÁP (tiếp theo)

-ooOoo-

81/ **Hỏi:** THẾ NÀO LÀ TÂM VÔ-SẮC-GIỚI?

Đáp:

Từ ngữ Arūpāvacara (Tâm Vô-sắc-giới) phân-tích thành Arūpa + Vacara. Arūpa nghĩa là không có sắc. Arūpa cũng có ba loại là:

1- Arūpabhūmi (cõi vô-sắc): Là nơi nương của chúng sanh sanh không có sắc-pháp, tức là các vị phạm-thiên vô-sắc.

Đây là do mãnh lực thiên Vô-sắc của hành giả tu-tiền đề mục vô-sắc, tách lìa khỏi sắc-pháp ra khỏi danh-pháp, khi mệnh chung tái sanh về cõi vô-sắc. Cõi Vô-sắc có bốn là: Cõi Không-vô-biên xứ, cõi Thức-vô-biên xứ, cõi Vô-sở-hữu xứ và cõi Phi-tướng phi phi-tướng xứ.

Có câu giải tự như sau:

- *Arūpassa bhavoṭi = Arūpaṃ: Gọi là cõi Vô-sắc, vì đó là môi trường sinh khởi vaṭṭhu arūpa (vô-sắc vật) và kilesa arūpa (phiền-não vô-sắc).*

2- Arūpavaṭṭhu (Vô-sắc vật): Là đối tượng (cảnh) cho phiền-não vô-sắc sanh khởi (kilesārūpa) chỉ cho 12 tâm Vô-sắc-giới và các sở-hữu hợp .

3- Kilesārūpa (Phiền-não vô-sắc): Là sự ái luyến yêu thích trong thiên Vô-sắc-giới và cõi Vô-sắc-giới. Kilesārūpa ở đây chính là arūpaṭaṅhā (ái vô-sắc). Có câu giải tự như vậy:

- *Arūpe avacaraṭṭi = Arūpāvacaram: Tâm nào lưu chuyển trong Vô-sắc-giới, gọi là tâm Vô-sắc-giới.*

Tâm chỉ hiện khởi ở cõi Vô-sắc là bốn tâm quả Vô-sắc-giới, nhưng mỗi tâm chỉ có cho một cõi như: Tâm-quả Không-vô-biên chỉ có ở cõi Không-vô-biên xứ, tâm quả Thức-vô-biên xứ chỉ có ở cõi Thức-vô-biên xứ, tâm quả Vô-sở-hữu xứ chỉ có ở cõi Vô-sở-hữu xứ, tâm quả Phi-tướng phi phi-tướng chỉ có ở cõi Phi-tướng phi phi-tướng xứ. Những tâm quả Vô-sắc này chỉ có ba phạm sự là: Tục-sinh, hữu-phần và tử.

Tâm thiên Sắc-giới không có trên cõi Vô-sắc vì ở cõi Vô-sắc không tu tập thiên bậc thấp, nghĩa là ở cõi Không-vô-biên xứ có được 8 tâm thiên Vô-sắc-giới, ở cõi Thức-vô-biên xứ chỉ còn sáu tâm (trừ đi hai tâm thiên Không-vô-biên xứ), cõi Vô-sở-hữu xứ chỉ còn bốn tâm thiên Vô-sắc (trừ thêm hai tâm thiên Thức-vô-biên xứ) và ở cõi Phi-tướng phi phi-tướng chỉ có hai tâm thiên Vô-sắc là hai tâm Phi-tướng phi phi-tướng xứ.

Tóm lại, tâm Vô-sắc-giới có mười hai là: Bốn tâm thiện Vô-sắc-giới, bốn tâm quả Vô-sắc-giới và bốn Tâm-hạnh Vô-sắc-giới.

82/ Hỏi: KINH VĂN GHI RẰNG: "VỊ TỶ-KHEO VƯỢT QUA SẮC-TƯỚNG, DIỆT TRỪ ĐỐI-NGẠI-TƯỚNG, KHÔNG TÁC-Ý DỊ-BIỆT-TƯỚNG". HÃY GIẢI THÍCH SẮC-TƯỚNG, ĐỐI-NGẠI-TƯỚNG VÀ DỊ-BIỆT-TƯỚNG?

Đáp:

Gọi là Sắc-tướng (rūpasāññā), có hai loại Sắc-tướng là: Các tâm thiện Sắc-giới và những đối tượng của tâm thiện này (tức là ấn tướng - nimitta). Tại sao thế? Vì rằng các tâm thiện Sắc-giới được thành tựu do "tướng về sắc", và ấn xứ làm phát sanh tâm thiện Sắc-giới cũng có dấu hiệu của sắc-tướng. Như đề mục Phạm-trú (Tù, Bi, Hỷ, Xả) tuy không phải là những Kasina hay từ thi hoặc thể trước, nhưng có đối tượng là chúng sanh, mà chúng sanh có liên hệ đến sắc-pháp là sắc-uẩn. Mặt khác, Sắc-tướng này có cho những vị còn ái-sắc (rūpañhā).

Gọi là "Đối-ngại-tướng": Là những tướng khởi lên do năm căn tiếp xúc với năm trần cảnh tương ứng, tức là sắc-tướng, thanh-tướng, khí-tướng, vị-tướng và xúc-tướng. Đối-ngại-tướng ở đây chỉ cho Ngũ-song-thức (thiện dị-thục vô-nhân và bất-thiện dị-thục).

Dĩ nhiên, Đối-ngại-tướng này không có cho vị đang trú vào thiên án Sắc-giới, nhưng "không có" không có nghĩa là "đã từ bỏ", không còn ái luyện. Như người nghèo không có tài sản, không có nghĩa là người ấy không còn yêu thích tài sản, đã từ bỏ tài sản. Cũng vậy, Đối-ngại-tướng tuy không có cho vị trú trong thiên Sắc-giới, nhưng không có nghĩa là vị ấy đã từ bỏ, không còn yêu thích chúng.

Gọi là "Dị-biệt-tướng", có hai loại Dị-biệt-tướng là: Các loại tướng thuộc về ý-giới (manodhātu), ý-giới có hai loại tướng là Dị-thục tướng và Hạnh-tướng (kriyasāññā), và các loại tướng có ý-thức-giới (manoviññāṇasāññādhātu), ý-thức-giới có bốn loại tướng là: Bất-thiện tướng, thiện-tướng, dị-thục tướng và hạnh-tướng.

Tướng ý-giới gọi là dị biệt vì tướng ấy sanh khởi do có đối tượng khác nhau như sắc, thanh, khí, vị xúc. Chúng là hai tâm Tiếp-thâu và Ngũ-môn hướng-tâm. Tướng ý-thức-giới là dị biệt, vì tướng ấy có sự sai biệt đủ loại, tướng nội-phần cũng có, tướng ngoại-phần cũng có, có nhiều bản chất khác nhau như thiện, bất-thiện, hạnh, quả.

Nói chung, Dị-biệt-tướng là chỉ cho 44 tướng Dục-giới (trừ Ngũ-song-thức).

Một cách vắn tắt dễ hiểu là: Vượt qua Sắc-tướng là từ bỏ tâm thiện Sắc-giới cùng các ấn xứ ấn tướng. Diệt trừ đối ngoại tướng là không tính mặt Ngũ-song-thức tướng, không tác-ý Dị-biệt-tướng là không tác-ý đến 44 loại tâm Dục-giới còn lại.

83/ Hỏi: TÂM THIỀN KHÔNG-VÔ-BIÊN XỨ ĐÓ RA SAO?

Đáp:

Phân tích từ Ākāśānañcāyatana được: Ākāsa + ananta + āyatana = Ākāśānañcāyatana.

Ākāsa là không gian, ananta là rộng lớn, bao la, vô tận, āyatana là trú xứ, nơi, chỗ.

Ākāśānañcāyatana là nơi niệm tướng hư không vô tận.

Hành giả chứng đạt Ngũ-Thiền Sắc-giới, sau khi làm chủ được thiền này, muốn tu tập thiền Vô-sắc Không-vô-biên xứ, trước hết phải quán xét thấy rõ tội lỗi và sự nguy hiểm của sắc-pháp.

Để vượt qua Sắc-tướng, hành giả nhập vào Ngũ-Thiền Sắc-giới với một trong chín đề mục kasina (trừ đề mục hư không), xả thiền, bắt lấy ấn tướng (paṭibhāganimitta) ấy, trải rộng ra với tác-ý "hư không vô tận", niệm ākāso anato (hư không vô tận). Khi hành giả đã trải rộng ấn tướng kasina đến giới hạn vũ trụ rồi, thu dần về, rồi lại trải rộng ra cho đến khi phóng to thu

nhỏ được như ý, bấy giờ hành giả không tác-ý đến ấn tướng kasina nữa, chỉ tác-ý đến khoảng không gian mà nó chạm vào, nhìn nó với tư tưởng "hư không vô tận". Sự lìa bỏ ấn tướng kasina không có nghĩa là mất ấn tướng kasina, mà do hành giả không chú ý đến nó, chỉ tác-ý đến khoảng không gian mà nó chạm vào, ví như giọt dầu loang trên mặt nước, người không nhìn giọt dầu loang, chỉ nhìn nơi nó loang đến. Và hành giả niệm "ākāso anaṭo - không gian vô tận". Khi tác-ý đến khoảng không ấy nhiều lần, đánh mạnh với tâm tứ, hành giả phát triển tác-ý, áp chế các phiền-nã, triển cái cho đến khi đắc định vô-sắc.

Có điểm khác biệt khi đắc định và chưa đắc định như sau: Khi chưa đắc định thì vẫn còn ấn tướng của kasina nhưng hành giả không lưu ý, ví như trạng thái người nhìn khoảng không gian sau bức lụa mỏng, khi thức Vô-sắc xuất hiện, với mắt thiền, hành giả thấy chỉ còn một khoảng không vắng lặng, ấn tướng kasina đột biến mất, ví như có người đột nhiên rút tấm lụa đi phơi bày khoảng trống hiển nhiên hay ví như người dùng giẻ màu nhét vào lỗ trống của thùng xe, đột nhiên có cơn gió thổi đến, làm rơi miếng giẻ, người kia nhìn thấy mình đang nhìn hư không. Vị hành giả đã đắc định Không-vô-biên xứ, khoảng không gian này không dựa vào Sắc-tướng vì không còn Sắc-tướng nữa, nó được định danh là hư không vì không còn sắc-pháp trong ấy. Do đó hành giả không an trú vào đề mục hư không, rồi làm cho hư không ấy biến mãn rộng lớn vô biên, như thế gọi là làm cho biến mãn án xứ "sắc hư không", tức là còn Sắc-tướng, chưa vượt qua được Sắc-tướng.

84/ **Hỏi:** TÂM THIỀN THỨC VÔ BIÊN RA SAO?

Đáp:

Khi phân-tích từ được là:

Viññāṇa + anaṭa + āyatana = Viññāṇaṅcāyatana. Gọi là Thức-vô-biên xứ là chỗ biết thức này vô tận.

Hành giả sau khi làm chủ được thiền tâm Không-vô-biên xứ, quán xét thấy rằng thiền này có sắc thiền (ấn tướng kasina) là kẻ thù gần, nó dễ dàng rơi xuống thiền Sắc-giới, không được an tịnh bằng thiền Thức-vô-biên. Sau khi không bị dính mắc vào thiền Không-vô-biên xứ, hành giả nhận "cái biết Không-vô-biên xứ" làm án xứ tu tập, niệm "viññāṇa anaṭa - Thức vô tận".

Gọi là Thức-Vô-Biên ấy, ý muốn nói: Hành giả tác-ý rằng "Thức-vô-biên", tức là lấy thức Không-vô-biên xứ làm án xứ tu tập. Nói cách khác, có một thức nhận hư-không vô-biên làm cảnh, một thức khác nhận thức Không-vô-biên ấy làm cảnh, và thức thứ hai có tên gọi là Thức-vô-biên.

85/ **Hỏi:** TÂM THIỀN VÔ-SỞ-HỮU XỨ (ĀKIÑCAÑ-ÑĀYATANA) RA SAO?

Đáp:

Hành giả muốn tu tập thiền Vô-sở-hữu xứ, trước hết phải làm chủ thiền tâm Thức-vô-biên xứ, quán sát thấy được rằng: thiền Thức-vô-biên xứ này có kẻ thù gần là Không-vô-biên xứ, nó không được an tịnh như Vô-sở-hữu xứ. Sau khi từ bỏ ràng buộc trong thiền Thức-vô-biên xứ, hành giả tác-ý đến "Vô-sở-hữu" (naṭṭhi kiñci) tức là hành giả tác-ý đến sự đã diệt mất Thức-vô-biên xứ. Như thế nào? Hành giả chú ý nhiều lần như sau: "Không có chi cả - naṭṭhi kiñci..". và quán sát án xứ "rỗng không" ấy với tâm tứ.

Khi tướng ấy sung mãn, những triền cái bị áp chế, thức Vô-sở-hữu xứ khởi lên trong định tướng. Định tướng này là trạng thái rỗng không, phi hữu của thức đã diệt trước đây.

Nói tóm lại: Tâm Không-vô-biên xứ có đối tượng (cảnh) là hư không vô tận, Thức-vô-biên xứ có đối tượng là tâm Không-vô-biên xứ, thức Vô-sở-hữu xứ có đối tượng là trống rỗng Thức-vô-biên xứ (tức là trạng thái trống rỗng của Thức-vô-biên xứ sau khi đã diệt mất).

Ba điều này có sự khác biệt nhau qua ví dụ như sau: Một người trông thấy căn phòng trống không vắng vẻ, rồi một đoàn chư Tăng đi đến phòng ấy hội họp. Y thấy được như thế rồi, y đi.

Sau buổi họp, chư Tăng giải tán, tất cả ra về, y trở lại nhìn thấy căn phòng giờ đây trống rỗng, y không nghĩ rằng: Có bao nhiêu vị Tỷ-kheo còn ở lại trú xứ này, bao nhiêu vị đã ra đi, bao nhiêu vị đã chết. Đúng hơn y chỉ thấy "vắng vẻ trống không". Cũng vậy, thiền Không-vô-biên xứ ví như căn phòng trống rỗng, thiền Thức-vô-biên xứ ví như sự thấy Tăng-chúng họp trong phòng (tức Thức-vô-biên xứ lấy tâm Không-vô-biên xứ làm án xứ) và tâm Vô-sở-hữu xứ ví như sự nhận biết căn phòng trống rỗng khi Tăng-chúng đã giải tán, với ý nghĩ "vắng vẻ trống không".

Thức an trú trong trạng thái "trống rỗng" ấy, gọi là thức Vô-sở-hữu xứ.

86/ **Hỏi:** THÈ NÀO LÀ THIỀN PHI-TƯỞNG PHI PHI-TƯỞNG XỨ (NEVASAÑÑĀNĀSAÑÑĀYATANA)?

Đáp:

Khi phân-tích từ ta được:

Nevasaññā + anāsaññā + āyatana = Nevasaññānāsaññāyatana.

Nevasaññā là Không Có Tướng.

Anāsaññā= A + asaññā. Tiếp đầu chữ A có nghĩa là không có, anāsaññā nghĩa là Không Không Có Tướng.

Nevasaññānāsaññāyatana là nơi niệm tưởng rằng: "Không (có) tướng" cũng không "không (có) tướng" vì nó vắng bóng tướng thô, chỉ còn lại loại tướng rất vi tế vắng lặng.

Hoặc là "Tướng này không phải là tướng", vì nó không thể làm phận sự cần yếu của tướng (saññā), nó cũng không phải là phi tướng (anāsaññā) vì nó hiện diện trong một trạng thái cực kỳ vi tế, như một pháp hành (saṅkhāradhamma) còn sót lại, như hơi dầu còn phảng phất.

Chẳng phải chỉ là tướng không thôi, ngay cả thọ, hành, thức cũng tế nhị như thế cả. Nghĩa là cũng Phi-thọ phi phi-thọ, Phi-xúc phi phi-xúc, Phi-thức phi phi-thức...

Nhưng đã có tướng tất nhiên nó cũng phải có phận sự. Phần sự của nó ở đây là gì? Là sự biết cảnh (đối tượng) và phát sanh ly dục nếu làm đối tượng cho Tuệ-quán. Tuy nhiên loại ly dục này không thể làm nhiệm vụ nhận thức một cách quyết định rõ ràng, ví như nước âm âm không thể luộc chín vật thực, nghĩa là nó không làm phát sanh ly dục một cách mạnh mẽ như trong các thiền chứng khác. Vì vẫn liên hệ với Phi-tướng phi phi-tướng quá vi tế, khó nhận định.

Ta có thể hiểu ý nghĩa "Phi-tướng phi phi-tướng" qua ví dụ sau:

Một cái bát đựng dầu, sau một thời gian khô cạn dầu. Vị Trưởng-lão bảo đồ đệ:

- Hãy đổ cháo vào trong bát đi.
- Bạch Ngài! Bát có dầu. Vị sa di trả lời.
- Vậy hãy mang đến đây để ta rót vào đèn.
- Bạch Ngài! Cũng không có dầu để rót vào đèn.

Cũng vậy, tướng này không thể làm phận sự cần yếu của nó, nhưng nó vẫn hiện diện dưới trạng thái vi tế như một pháp hành còn dư sót lại.

Hành giả sau khi làm chủ thiền Vô-sở-hữu xứ, quan-sát thấy rằng thiền Vô-sở-hữu xứ này có kẻ thù gần là Thức-vô-biên xứ, nên tác-ý đến tầng thiền an tịnh hơn, nghĩa là vị ấy bắt lấy tâm Vô-sở-hữu xứ làm án xứ tu tập, có tác-ý rằng: "Tâm này tuy nhận cảnh phi hữu, nhưng chưa thật an tịnh" và chú ý đến "sự an tịnh" của tâm ấy, niệm rằng: "Tịch-tịnh, tịch-tịnh".

Nên hiểu rằng: Tuy hành giả tác-ý đến "tịch-tịnh" nhưng không có ước muốn an trú trong "tịch-tịnh" ấy, tức là không có tác-ý rằng: "Ta sẽ đạt đến tầng thiên này" hay "Ta sẽ trú trong tầng thiên này với thời gian như vậy...". Ví như Đức-vua du hành cùng với bốn đại quân chủng, thấy người thợ kết hoa rất xinh đẹp và thiện-xảo trong việc kết hoa, Đức-vua khen rằng "Người thợ kết hoa này rất thiện-xảo" nhưng Đức-vua không hề có ý muốn từ bỏ Vương-vị để xuống làm thợ kết hoa, đạt được nghệ thuật kết hoa từ người thợ ấy. Cũng vậy, hành giả tác-ý đến sự tịch-tịnh của thiên Vô-sở-hữu xứ, chứ không có ý muốn an trú trong tịch-tịnh ấy. Do đó, gọi là vượt qua Vô-sở-hữu xứ, gọi là Tịch-tịnh là tu tập thiên án với các hành còn sót lại của Vô-sở-hữu xứ, nên mới gọi là Phi-tướng Phi Phi-tướng xứ.

87/ **Hỏi:** TRONG THIÊN VÔ-SẮC ĐỀU CÓ HAI CHI XẢ VÀ ĐỊNH, VẬY CHÚNG CÓ KHÁC NHAU CHĂNG?

Đáp:

Trước tiên cũng nên ghi nhận rằng: Ngũ-Thiên Sắc-giới cũng có hai chi thiên là Xả và Định, nhưng xả và định trong ngũ thiên Sắc-giới thô hơn trong thiên Vô-sắc. Chúng giống nhau về trạng thái, nhưng về thực trạng của sự kiện thì khác nhau, xả và định của Sắc-giới còn liên hệ với Sắc-tướng, Đối-ngại-tướng và Di-biệt-tướng, còn xả và định Vô-sắc-giới đã vượt qua các loại tướng trên, nên vi tế thù diệu hơn, ví như cùng là vàng nhưng vàng có pha bạc phải kém phẩm chất hơn vàng tinh. Ta có thể hiểu như vậy: Xả và Định của Sắc-giới đã bị từ bỏ và được thay thế bằng xả và định của Vô-sắc-giới, ví như thay thế loại gỗ thường bằng loại danh mộc. Cũng vậy, tuy xả và định của Sắc-giới có tướng trạng (lakkaṇa) giống như xả và định của Vô-sắc-giới, nhưng thô xấu hơn.

Còn xả và định của Vô-sắc-giới chỉ là một loại, nhưng càng lên cao càng vi tế hơn, ví như dầu mè được tinh luyện một lần, hai lần, ba lần và bốn lần, lần sau tốt hơn lần trước.

Khác với thiên Sắc-giới, mỗi tầng thiên đều có sự vượt qua thiên chi như Nhị-thiên mất Tầm, Tam-thiên mất Tứ..Thiên Vô-sắc thì không vượt qua thiên-chi, chỉ vượt qua án xứ, vì sao vậy? Vì thiên Sắc-giới giữ lấy án xứ (nimitta) của thiên dưới rồi tiến lên bậc cao, bỏ thiên chi, còn thiên Vô-sắc thì giữ thiên chi để vượt qua đối tượng của án xứ, tiến lên. Ta có thể hiểu ví dụ sau đây:

Có một đoạn vải dày một lớp, hai lớp, ba lớp và bốn lớp được một nữ nhân khéo tay dệt, lớp thứ nhất được dệt bằng vải thô, lớp hai vải tế, lớp ba vải tế hơn và lớp thứ tư thật tế. Thay đổi vải ví như thay đổi án xứ vậy. Cũng vậy, xả định trong Vô-sắc-giới chỉ là một, nhưng càng lên cao càng vi tế hơn do sự thay đổi án xứ.

Nói về Sự Vi Tế Hơn, có ví dụ để so sánh như sau: Có túp lều thô xấu được dựng lên chỗ nhơ bẩn, một người trú trong lều, nhận thấy nhơ bẩn, y ra ngoài bắm đu đưa vào lều, người thứ hai đi đến thấy vậy, bắm vào người thứ nhất. Người thứ ba đi đến nghĩ rằng: Hai người này thật không an toàn nếu lều ngã xuống, nên y đứng ra ngoài, người thứ tư đi đến đứng dựa vào người thứ ba. Lều ví như khoảng hư không mà từ đó ấn tướng kasina được từ bỏ, chỗ bẩn thỉu ví như Sắc-tướng người thứ nhất ví như tâm Không-vô-biên xứ, người thứ hai ví như tâm Thức-vô-biên xứ, người thứ ba ví như tâm Vô-sở-hữu xứ và người thứ tư ví như tâm Phi-tướng phi phi-tướng xứ.

88/ **Hỏi:** TRONG THIÊN SẮC-GIỚI, KHI HÀNH GIẢ QUÁN XÉT THẤY ĐƯỢC TỘI LỖI THIÊN DƯỚI, TU-TIẾN LÊN THIÊN BẬC TRÊN KHÔNG DỰA VÀO THIÊN ĐANG CÓ. TRÁI LẠI, VÌ SAO TRONG THIÊN VÔ-SẮC ĐÃ THẤY TỘI LỖI THIÊN ĐANG CÓ, LẠI CÒN DỰA VÀO ĐÓ ĐỂ TU-TIẾN?

Đáp:

Trong thiên Sắc-giới, hành giả thấy tội lỗi thiên mình đang có, tu-tiến lên thiên bậc cao mà không dựa vào thiên đang có, là do nắm giữ ấn tướng (uggahaniniṭṭa), không nắm giữ thiên chi.

Trái lại trong thiên vô-sắc, tuy thấy tội lỗi trong thiên chứng mình đang có, nhưng phải dựa vào thiên chứng ấy là vì hành giả không từ bỏ thiên chi, chỉ từ bỏ án xứ. Ví như người thay đổi dụng cụ thô xấu lấy dụng cụ tốt hơn nhưng loại dụng cụ ấy cũng như nhau. Do đó phải nương vào thiên chứng đang có để tiến lên thiên cao hơn, như Thức-vô-biên xứ phải nương vào Không-vô-biên xứ, Phi-tướng phi phi-tướng xứ phải nương vào Vô-sở-hữu xứ. Và vì không còn cái gì tốt hơn được nữa, mặc dù Thức-vô-biên xứ thấy tội lỗi của Không-vô-biên xứ, Phi-tướng phi phi-tướng xứ thấy tội lỗi của Vô-sở-hữu xứ, nhưng chẳng còn pháp nào an tịnh tốt hơn được nữa, nên phải nương vào đó. Ví như sự vinh hiển, thân mạng của Đại-thần do nương vào Đức-vua, mặc dù thấy Đức-vua có làm lỗi, vị Đại-thần cũng phải nương dựa vào Đức-vua, vì không còn thấy ai có thể tốt hơn Đức-vua cả. Hay ví như người leo thang, tuy thấy bậc thang mình đang đứng thô xấu, cũng phải dựa vào đó làm điểm tựa để bước lên bậc thang cao hơn.

89/ Hỏi: VÌ SAO THỨC-VÔ-BIÊN XỨ DỰA VÀO KHÔNG-VÔ-BIÊN XỨ, PHI-TƯỚNG PHI PHI-TƯỚNG DỰA VÀO VÔ-SỞ-HỮU XỨ, CÒN VÔ-SỞ-HỮU XỨ VÌ SAO KHÔNG DỰA VÀO THỨC-VÔ-BIÊN XỨ?

Đáp:

Là do tác-ý đến án xứ, tức là Thức-vô-biên xứ tác-ý đến "Cái Biết Không-Vô-Biên" làm án xứ, tương tự Phi-tướng phi phi-tướng lấy sự "an tịnh" của Vô-sở-hữu xứ làm án xứ, nên hai thiên chứng này phải nương tựa vào thiên bậc dưới như đã giải.

Riêng về thiên Vô-sở-hữu xứ nắm lấy tướng trống-rỗng, phi-hữu của tâm Thức-vô-biên xứ đã diệt làm án xứ. Đã là "trống rỗng, phi hữu" thì làm sao nương dựa vào Thức-vô-biên xứ được.

Tuy nhiên, Sự Phi Hữu hay Trống Rỗng và Hư Không Vô Tận không phải là pháp thực tính, hư không vô tận, không phải là sắc hư không, còn phi hữu, trống rỗng không phải là Níp-bàn, hai điều này chỉ là khái niệm (paññatti) nên chúng thuộc cảnh chế-định (paññattārammaṇa).

90/ Hỏi: SỰ TU TẬP THIÊN CHỈ-TỊNH CÓ LỢI ÍCH RA SAO?

Đáp:

Sự tu tập thiên Chỉ-tịnh có năm lợi ích là:

1) Hiện tại lạc trú: Các vị Thánh A-la-hán đã diệt tận mọi lậu-hoặc, kiết-sử nhưng các ngài vẫn tu-tiến thiên Chỉ-tịnh, vì thiên này mang lại hiện tại lạc trú cho các Ngài, làm tâm được an tịnh. Và thiên Chỉ-tịnh này chỉ mang lại an tịnh cho tâm, chứ không sát trừ được phiền-não lậu-hoặc như Đức Phật dạy rằng: Này Cunda! Đây không phải là viễn ly trong Giới-luật bậc Thánh, đây gọi là hiện tại lạc trú trong Giới-luật bậc Thánh.

2) Là nền tảng cho Minh-quán (vipassanā): Phạm phu và bậc Thánh Hữu-học tu tập Chỉ-tịnh với ý nghĩ rằng: Sau khi xuất định sẽ tu tập tuệ với tâm đã được định tĩnh. Cả hai loại định: Cận-hành (upacārasamādhi) và An-chỉ (appanāsamādhi) đều giúp cho Quán-minh được dễ dàng và mau chóng.

3) Đạt được các Thắng-trí (abhiññāna) và Thần-thông (iddhipāda): Phạm phu hay bậc Thánh sau khi chứng đạt Ngũ-Thiên Sắc-giới, nếu muốn chứng đạt thần thông, thắng-trí, tinh cần tu tập sẽ thành tựu, đạt được năm thông là: Thiên-nhãn thông, Túc-mạng thông, Thiên-nhĩ thông, Thần-túc thông và Tha-tâm thông. Hoặc các loại minh như: Túc-mạng minh, Thiên-nhãn minh, Hóa-tâm minh. Hành giả muốn đạt được các thông lực này phải nương vào mười đề mục kasina và phải chứng đắc, làm chủ được Ngũ-Thiên Sắc-giới.

4) Tái sanh về phạm-thiên-giới: Phạm phu hay bậc Thánh Hữu-học chứng đạt được thiên sắc hay thiên vô-sắc, cho dù không có ý muốn "ta sẽ sanh về cõi như thế" nhưng do năng lực thiên-định (không bị hoại) ấy, sau khi mệnh chung sẽ sanh về cõi thiên mình ưa thích. Ngay cả cận định, tuy không sanh về phạm-thiên-giới, cũng đưa đến Dục-lạc thiên.

5) Đạt được trạng thái Diệt Thọ Tướng Định: Bạc Thánh A-na-hàm hay Thánh A-la-hán chứng đạt được tám thiên chứng (bốn thiên Sắc-giới và bốn thiên vô-sắc), có thể chứng đạt trạng thái Vô-dur Níp-bàn tạm thời, tức là an trú và sự Diệt Thọ Tướng Định.

Đây là năm lợi ích của sự tu tập Chi-tịnh.

91/ **Hỏi:** THẾ NÀO LÀ TÂM SIÊU-THẾ? CÓ BAO NHIÊU TÂM?

Đáp:

Tâm Siêu-thế (lokuṭṭaracitta), phân-tích từ thì được:

Loka + uttara + citta = Lokuttaracitta. Loka là thế-gian, có lời giải tự như vậy:

Loke niyuṭṭāṭi = Lokiya: Pháp nào luôn tương hệ trong tam giới, pháp ấy được gọi là hiệp-thế.

Uttara là vượt lên trên. Có câu giải tự về lokuttara như vậy:

Lokaṭo uttarāṭi = Lokuttaram: Vượt khỏi tam-giới nên gọi là Siêu-thế.

Loke uttaranīṭi = Lokuttaro: Ở trong đời mà siêu xuất luân-hồi, gọi là tâm Siêu-thế.

Nên hiểu rằng: Tâm Siêu-thế này không phải là loại tâm vượt ra khỏi tam-giới (đời: loka). Tâm là một pháp hữu-vi, cho dù là loại tâm nào, nó vẫn thuộc về bản chất đời sống thế-gian (lokadhātu), tức là loại tâm nào cũng là pháp hữu-vi cả, nhưng tâm Siêu-thế bắt lấy cảnh Níp-bàn, là cảnh Siêu-thế đã vượt ra khỏi loka, nên tâm này nương theo đó định danh là tâm Siêu-thế, ví như người đứng trong nhà nhìn thấy cảnh bên ngoài, cũng vậy, tâm Siêu-thế là loại tâm trong đời nhưng bắt cảnh ngoài đời.

Tâm Siêu-thế có tám tâm, phân thành hai loại: Tâm Đạo (maggacitta) và tâm Quả Siêu-thế (lokuṭṭaraphala citta).

Gọi là tâm Đạo (maggacitta) do mượn chi-đạo mà gọi, như có câu giải tự:

Maggena sampayuttaṃ cittaṃ = Maggacittaṃ: Tâm tương ưng với (chi) đạo, gọi là tâm Đạo.

Đạo ở đây chỉ cho Bát-chi-đạo hợp trong tâm Đạo, là Chánh-kiến, Chánh-tư-duy, Chánh-ngữ, Chánh-nghiệp, Chánh-mạng Chánh-tinh-tấn, Chánh-niệm và Chánh-định.

Tâm Đạo có bốn là:

- 1- Đạo Nhập-lưu (soṭāpaṭṭimagga).
- 2- Đạo Nhất-lai (sakadāgāṃmimagga).
- 3- Đạo Bất-lai (anāgāṃmimagga).
- 4- Đạo A-la-hán (arahattaṃmagga).

Gọi là tâm quả Siêu-thế là do sở-hữu Tư hợp trong tâm đạo, lưu chủng tạo ra nghiệp dị thời, nên gọi là tâm quả Siêu-thế (lokuṭṭaraphalacitta).

Tuy gọi là nghiệp dị thời, nhưng chỉ cách nhau có một sát na (khaṇa), nghiệp dị thời ở đây là chỉ thời sát na (khaṇakāla). Thật ra, khi vừa đắc đạo, tâm đạo vừa diệt thì tâm quả Siêu-thế hiện khởi ngay, nên được gọi là pháp akāliko (không thời gian).

Tâm quả Siêu-thế cũng có bốn là:

- 1- Tâm quả Dự-lưu (soṭāpaṭṭiphala citta).
- 2- Tâm quả Nhất-lai (sakadāgāṃmiphala citta).
- 3- Tâm quả Bất-lai (anāgāṃmiphala citta).
- 4- Tâm quả A-la-hán (Arahatta phala citta).

Như thế, tâm Siêu-thế có tám tâm, nhưng nếu liên hệ với chi thiên trong lúc tu quán, với năm tầng thiên thành ra có tất cả bốn mươi tâm Siêu-thế (8 tâm x 5 tầng thiên = 40 tâm)

92/ **Hỏi:** THẾ NÀO LÀ TÂM SƠ-ĐẠO (SOTĀPAT-TIMAGGACITTA)?

Đáp:

Gọi là tâm Sơ-đạo, vì tâm này tương ứng với Bát-chi-đạo nhận Níp-bàn lần đầu, có trạng thái như dòng nước nhập vào Thánh-đạo (ariya magga) và sát trừ phiền-não, còn gọi là Nhập-lưu đạo.

Phân tích từ thì được:

SOTA + ĀPATTI + MAGGA + CITTA = SOTĀPATTIMAGGACITTA.

Sota là dòng nước, dòng nước ở đây chỉ Bát-chi-đạo, Tức Bát-chi-đạo là dòng nước đưa tâm đến Níp-bàn.

Āpaṭṭi là nhập vào Thánh-đạo.

Soṭāpaṭṭimaggaciṭṭa là tâm tương ứng với Bát-chi-đạo có trạng thái như dòng nước dẫn đến Níp-bàn lần đầu.

Có những câu giải tự về sota như sau:

- *Soto viyāṭi + Soto: Bát-chi-đạo gọi là soto, ví như dòng nước.*
- *Savaṭi sandaṭṭi = Soto: Gọi là soto, ví như dòng nước không chảy ngược (là chảy xuôi).*

Giải tự về chữ āpaṭṭi như sau:

- *Ādiṭo pajjanam = Āpaṭṭi: Nhập vào Thánh-đạo lần đầu gọi là āpaṭṭi.*
- *Soṭassa āpaṭṭi = Soṭāpaṭṭi: Sự nhập vào Thánh-đạo có trạng thái như dòng nước của phàm phu chứng đạo lần đầu, gọi là soṭāpaṭṭi.*

Chữ soṭāpanna cũng có nghĩa tương tự như soṭāpaṭṭi.

- *Kilese māreṇto gacchaṭṭi = Maggo: Gọi là Đạo vì có công năng sát trừ phiền-não, chứng đạt Níp-bàn.*
- *Soṭāpaṭṭi ca sāmago cāṭi = Soṭāpaṭṭimagga: Con đường Trung-đạo (là Bát-chi-đạo) có năng lực đạt đến Níp-bàn, có trạng thái như dòng nước xuôi chảy, do đó gọi là soṭāpaṭṭimagga.*
- *Soṭāpaṭṭimaggena sampayuttaṃ ciṭṭanti = Soṭāpaṭṭimaggaciṭṭam: Tâm tương ứng với đạo, có trạng thái như dòng nước xuôi chảy đến Níp-bàn lần đầu, gọi là soṭāpaṭṭimaggaciṭṭa.*

Tâm Sơ-đạo sát trừ được ba kiết-sử: Thân-kiến, hoài-nghi và giới-cám-thủ cùng với những phiền-não tương ứng với kiến và nghi (vicikicchā). Nói gọn theo paramatṭha thì tâm Sơ-đạo sát trừ được hai sở-hữu là sở-hữu tà-kiến và sở-hữu hoài-nghi cùng các loại phiền-não tùy tùng với chúng.

Nên hiểu rằng: Sự sát trừ phiền-não ở đây không phải là do tâm, mà là tất cả sức mạnh của tất cả các pháp tương ứng, chủ yếu là trí-tuệ, những pháp khác hỗ trợ cho trí-tuệ hiển lộ sức mạnh. Ví như vị dũng tướng dẫn quân đi tiêu diệt bọn cướp, nhờ sự hỗ trợ của đoàn quân, vị dũng tướng tiêu diệt được bọn cướp. Giặc cướp ví như phiền-não đoàn quân ví như những pháp tương ứng, dũng tướng ví như trí-tuệ.

Soṭāpaṭṭimagga được dịch là Nhập-lưu đạo, Dự-lưu đạo. Gọi là Sơ-đạo là nương theo bốn tầng Thánh-đạo.

93-/ **Hỏi:** NHÂN SANH SƠ-ĐẠO RA SAO?

Đáp:

Sơ-đạo sanh lên do bốn nhân là:

- 1- Gặp được bậc chân nhân (sappurisaṃseva).
- 2- Được nghe Chánh-pháp (saddhammasevana).
- 3- Tác-ý khéo (yoniso manasikāra).
- 4- Hành trì theo Chánh-pháp đặc biệt đến Đạo-quả (dhammānudhammapaṭipatti). Chữ paṭi ở đây có nghĩa là riêng biệt, đặc biệt.

GIẢI:

- Gọi "Gặp được bậc chân nhân", bậc chân nhân là bậc tinh tường đường lối tu tập, đưa đến sự giải thoát, thoát ra luân-hồi. Bậc chân nhân ở đây chỉ cho bậc Thánh, bậc đã tỏ ngộ chân-pháp rõ ràng bằng trí tu chứng đạt, bậc Đa-văn tuy tinh tường đường lối tu tập qua sự học hỏi Giáo-pháp và được gọi là sappurisa, nhưng phải hiểu rằng đó là bậc trí sĩ, vì còn là phàm nhân (puṭhujana), chưa phải là bậc Thánh (ariya).

Đức Thế-tôn có xác định chân nhân, trong phẩm chân nhân, bộ Aṅguttara nikāya, tóm lược như vậy:

- Bậc gìn giữ năm giới (bất động), có tín, tấn, niệm định tuệ, tầm quý, đa-văn, từ bỏ thập ác nghiệp thành tựu Thánh-đạo tám ngành.
- Bậc chân nhân tự mình có những pháp như thế, khích lệ người khác tu tập như pháp này, gọi là bậc chân nhân cao thượng.

- Gọi "Được nghe chánh-pháp" saddhamma (Điều-pháp) ở đây là những pháp cần yếu đưa đến lợi ích lớn, đạt được bất tử Níp-bàn, đó là Tứ-niệm-xứ, Chánh-cần, Như-ý-túc, năm Quyền, năm Lực, bảy Giác-chi, tám Thánh-đạo. Hoặc những pháp có mục đích ly tham, đoạn diệt, giác ngộ...

Đức Phật có dạy Trưởng-lão UPāli rằng: - Này UPāli! Những pháp nào người biết: Những pháp nào đưa đến nhất hướng (là hướng đến Níp-bàn), nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí và giác ngộ Níp-bàn. Người cần nhất hướng thọ trì. Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của Đức Thế-tôn. (Aṅguttara nikāya).

- Gọi là "Tác-ý khéo" là tác-ý đến Đạo-quả Níp-bàn. Tức là luôn phát triển tâm thiện được tăng thịnh, nhằm mục đích tiến đạt Níp-bàn, thành tựu Đạo-quả Siêu-thế.

Đức Thế-tôn có dạy rằng: - Ví như sợi râu lúa mạch hay lúa mì, nếu đặt đúng hướng sẽ đâm thủng da tay hay da chân. Cũng vậy, tâm đặt đúng hướng có thể đâm thủng vô-minh. (Aṅguttara nikāya).

- Gọi là " Hành trì đúng pháp" là hành trì những pháp dẫn xuất khỏi luân-hồi như 37 pháp Trợ-đạo, hành vipassanā (Quán-minh)...

Trong bốn nhân sanh tâm đạo này, Sơ-đạo cần hội đủ bốn nhân, vì còn là phàm phu phải được dẫn dắt, riêng ba đạo cao là Nhị-đạo, Tam-đạo và Tứ-đạo chỉ cần hai nhân là tác-ý khéo và hành đúng chánh-pháp là đủ. Như người đã một lần băng qua rừng, nay tự mình đi cũng được. Do Sơ-đạo phải hội đủ bốn nhân như vậy, nên ở cõi Vô-sắc-giới không phát sanh tâm Sơ-đạo, vì là Vô-sắc nên không gặp được bậc chân nhân, không Nghe được chánh-pháp, do đó tâm nhất hướng đến Níp-bàn không có. Trái lại ba đạo cao thì có ở Vô-sắc-giới.

94-/ HỎI: THẾ NÀO LÀ TÂM NHỊ-ĐẠO?

Đáp:

Gọi là tâm Nhị-đạo, là tâm câu hành với Bát-chi-đạo, chứng đạt Níp-bàn lần thứ hai, sát trừ phiền-não để thu ngăn sự trở lại.

Nghĩa là: Bậc chứng đạt Sơ-đạo trở thành bậc Sơ-quả, còn trở lại cõi dục bảy lần, còn bậc chứng Nhị-đạo, trở thành bậc Nhị-quả, chỉ còn trở lại cõi dục ấy một lần mà thôi, nên còn có tên là Nhất-lai đạo.

Phân tích từ có được:

SA + KADĀ + ĀGĀMI + MAGGA + CITTA = SAKADĀGAĀMIMAGGACITTA.

Sa từ chữ saha nghĩa là thấu thấu, kadā là khi nào, āgāmi là sự trở lại. Sakadāgāmimaggacitta là tâm cầu hành với Bát-chi-đạo thấu thấu lại sự trở lại của bậc ấy.

Có Pāli Sớ-giải như vậy:

Sakadāgāmimaggena sampayuttaṃ cittaṃ = Sakadāgāmimaggacittaṃ: Tâm tương ưng đạo làm thấu thấu sự trở lại, gọi là tâm Nhất-lai.

Tâm này gọi theo thứ tự là Nhị-đạo. Tâm Nhị-đạo làm giảm đi hai kiết-sử là sân-hận và dục ái.

95-/ **Hỏi: THẾ NÀO LÀ TÂM TAM-ĐẠO? (ANĀGĀMIMAGGACITTA)**

Đáp:

Gọi là tâm Tam-đạo, là tâm tương ưng với Bát-chi-đạo, nhận Níp-bàn lần thứ ba, sát trừ trọn vẹn hai kiết-sử dục-ái và sân.

Như thế, bậc này đã sát trừ trọn vẹn năm hạ-phần kiết-sử là: Thân-kiến, hoài-nghi, giới-cấm-thủ (do Sơ-đạo sát trừ) dục-ái và sân (do Tam-đạo sát trừ).

Bậc này không còn tái sinh về Dục-giới, cho dù là bậc Lạc-quán (sukhavipassanā) là bậc không đắc thiên-định, nhưng khi mệnh chung cũng sinh về cõi Sơ-thiên.

Anāgāmi nghĩa là không trở lại (cõi dục).

Pāli có giải rằng:

Tena sampayuttaṃ cittaṃ = Anāgāmimaggacittaṃ.

Tâm tương-ung như thế ấy (là tương-ung Bát-chi-đạo lần thứ ba), gọi là Bát-lai đạo.

96/ **Hỏi: THẾ NÀO LÀ TÂM TỨ-ĐẠO? (ARAHATTAMAGGACITTA)**

Đáp:

Tâm Tứ-đạo là tâm hợp với Bát-chi-đạo lần thứ tư, chứng đạt Níp-bàn và sát trừ trọn vẹn mọi kiết-sử, lậu-hoặc và phiền-não. Bậc này trở thành bậc Ứng-cúng (Arahant). Chữ Arahant từ A + căn RAHAM. Ngữ căn Raham có nghĩa là chỗ kín đáo, chỗ yên lặng.

Gọi là "Chỗ kín đáo" vì khó đạt đến, "chỗ yên lặng" là vì không còn bị quấy nhiễu bởi các phiền-não.

Bậc đã đạt được Đạo này rồi, không còn tục-sinh nữa, vì đã đoạn tận mọi ái dục. Hán-tạng dịch Arahant bằng ba nghĩa: bậc Vô-sanh, bậc Sát-tặc và bậc Ứng-cúng.

Gọi là "Bậc Vô-sanh" vì không còn sinh tử luân-hồi trong tam-giới.

Gọi là "Bậc Sát-tặc" vì những kẻ thù (ari) là phiền-não, lậu-hoặc ... đã bị sát trừ trọn vẹn.

Gọi là "Bậc Ứng-cúng" là bậc đáng cùng dường trong sạch (arah + a = arahati).

Arahatta là sự giải thoát cuối cùng, tức là trạng thái của bậc A-la-hán.

Pāli có Sớ-giải như vậy:

Tena sampayuttaṃ ciṭṭaṃ = Arahaṭṭamaggaciṭṭaṃ. Tâm tương-ung như thế ấy (là tương-ung với Bát-chi-đạo, lần thứ tư) gọi là arahaṭṭamaggaciṭṭa.

97/ HỎI: SỰ KHÁC NHAU GIỮA TÂM ĐẠO VÀ TÂM QUẢ SIÊU-THỂ NHƯ THỂ NÀO? CÓ MẤY BẬC DỰ-LƯU? HÃY GIẢI THÍCH?

Đáp:

Tâm quả Siêu-thể là thành quả của tâm đạo, tức là sở-hữu tư trong tâm đạo, lưu chủng tử tạo thành tâm quả Siêu-thể.

Tâm đạo thuộc giống thiện, còn tâm quả Siêu-thể thuộc giống quả. Lại nữa tâm đạo là tâm nhận cảnh Níp-bàn Đang Sát Trừ Phiền Não, còn tâm quả Siêu-thể nhận cảnh Níp-bàn Đã Sát Trừ Phiền Não xong.

Đây là những điểm khác nhau giữa tâm đạo và tâm quả Siêu-thể.

Bậc Dự-lưu là bậc đã nhập vào dòng Thánh, nếu kiếp ấy không chứng đạt quả vị cao hơn, tùy theo sự trở lại cõi dục bậc Dự-lưu được phân thành ba bậc là:

- Bậc Dự-lưu nhất sanh (ekabījī): Là bậc chỉ còn trở lại cõi dục có một lần nữa mà thôi.
- Bậc Dự-lưu lục sanh (kolaṅkola): Là bậc trở lại cõi dục từ hai đến sáu lần.
- Bậc Dự-lưu thất sanh (saṭṭakattāparama): Là bậc Dự-lưu trở lại cõi dục lần thứ bảy.

Không có trường hợp bậc Dự-lưu trở lại cõi dục lần thứ tám.

Ở đây, nên hiểu rằng trở lại cõi dục chứ không phải chỉ còn một kiếp hay từ hai đến sáu kiếp hoặc chỉ còn bảy kiếp là đắc quả A-la-hán. Như trường hợp Đức Đế-thích, Trưởng-già Anāthapiṇḍika, bà Visākha còn luân-hồi hơn bảy kiếp, nhưng chỉ trở lại cõi Dục hai ba lần mà thôi.

Sự trở lại Dục-giới chỉ có cho hai bậc Sơ-quả và Nhị-quả mà thôi, và chỉ cho những vị không chứng thiên Chi-tịnh. Vì nếu bậc Thánh Sơ-quả chứng đạt thiên Chi-tịnh, mệnh chung sanh về cõi phạm-thiên sẽ không trở lại cõi dục nữa (tức là không còn tái sanh về cõi Dục). Vì rằng: Vị Thánh khi sanh về cõi Sắc-giới hay Vô-sắc-giới nếu chưa chứng đạt quả A-la-hán thì sẽ tục sanh lại chính cõi ấy hay cõi cao hơn.

Sở dĩ, có bậc Dự-lưu như thế là do ngũ Quyền mạnh hay yếu, nếu ngũ Quyền mạnh thì bậc Dự-lưu chỉ trở lại cõi Dục một lần, nếu ngũ Quyền trung bình thì bậc này trở lại cõi Dục từ hai đến sáu lần, nếu ngũ Quyền yếu thì trở lại cõi Dục đến lần thứ bảy.

Hoặc là do sự tích lũy Tuệ-quyền mạnh hay yếu, tức là: Vị tu-tiên thiên về Minh-quán mạnh, sẽ trở lại cõi dục một lần, nếu sự tu-tiên Định-quyền và Tuệ-quyền đồng đẳng thì trở lại cõi dục từ hai đến sáu lần, nếu Định-quyền mạnh thì trở lại cõi dục đến lần thứ bảy.

Mặt khác, bậc Dự-lưu còn có hai hạng là:

- 1) Tùy-tín hành: Là phạm nhân nương theo đức-tin để tu-tiến, chứng đắc đạo Dự-lưu, trở thành bậc Sơ-quả, gọi là bậc Tín-chí, khi chứng đạt Sơ-đạo thì gọi là bậc Tùy-tín hành.
- 2) Tùy-pháp hành: Là phạm nhân nương theo trí-tuệ để tu-tiến, chứng đắc Dự-lưu đạo, trở thành bậc Dự-lưu quả bậc này có tên gọi là bậc Kiến-đạo, khi chứng Dự-lưu đạo thì là bậc Tùy-pháp hành. Bậc này có Tuệ-quyền mạnh.

98/ HỎI: CÓ BAO NHIÊU BẬC NHẤT-LAI?

Đáp:

Có năm hạng Nhất-lai, đó là:

1) Đắc tại nhân loại và Níp-bàn tại nhân-giới (idha paṭvā idhā parinibbāyī): Là người chứng đạt quả Nhất-lai, không chứng đạt quả cao hơn, khi mệnh chung tái sinh trở lại cõi nhân loại, chứng đạt A-la-hán và vô dư Níp-bàn tại cõi này.

2) Đắc tại chư-thiên, Níp-bàn ở cõi chư-thiên (taṭṭha paṭvā taṭṭha parinibbāyī): Là vị Thánh Nhất-lai chư-thiên, mệnh chung tái sinh ở cõi chư-thiên, chứng đạt quả A-la-hán và Vô-dư Níp-bàn tại cõi chư-thiên.

Ở đây, có những trường hợp như sau: Vị Thánh Nhất-lai chư-thiên ở cõi này, mệnh chung sanh về cõi chư-thiên khác, rồi Níp-bàn ở đó.

Vị Thánh Nhất-lai chư-thiên ở cõi này, mệnh chung sanh về cõi trời khác, mệnh chung nơi ấy lại sanh về cõi trời này và Níp-bàn tại đây.

Vị Thánh Nhất-lai chư-thiên, mệnh chung sanh lại chính cõi trời này và Níp Bàn tại đây.

3) Đắc tại nhân loại, Níp-bàn tại cõi chư-thiên (idha paṭvā idha taṭṭha parinibbāyī): Vị Thánh nhân loại mệnh chung ở cõi người, tái sinh về cõi chư-thiên và Níp-bàn ở cõi ấy.

4) Đắc tại chư-thiên, Níp-bàn ở cõi nhân loại (taṭṭha paṭvā idha parinibbāyī). Là vị chư-thiên chứng quả Nhất-lai, mệnh chung sanh về cõi nhân loại, Níp-bàn tại cõi này.

5) Đắc tại cõi nhân loại, sanh về cõi chư-thiên, trở lại Níp-bàn ở cõi người (idha paṭvā taṭṭha nibbattiyā parinibbāyī).

Vị Thánh nhân loại mệnh chung sanh về cõi chư-thiên, mệnh chung sanh trở lại cõi nhân loại và Níp-bàn tại cõi người.

Đây là nói về bậc Thánh Nhất-lai ở cõi dục, không chứng đạt thiền Chi-tịnh, nếu sanh về cõi phạm-thiên thì không còn trở lại cõi Dục nữa.

99/ Hỏi: HÃY GIẢI VỀ CẢNH GIỚI CỦA BẬC BÁT-LAI? CÓ BAO NHIÊU CHỦNG?

Đáp:

Bậc Bát-lai không còn sanh về cõi dục là lẽ dĩ nhiên, khi sanh về phạm-thiên-giới, bậc Bát-lai có hai cảnh giới là: Cảnh giới có phạm nhân và cảnh giới dành riêng cho bậc Bát-lai.

Bậc Bát-lai nếu tu thiền, chứng đắc thiền nào thì sanh về cõi ấy, nếu không chứng thiền cũng được sanh về cõi phạm-thiên Sơ-thiền.

Còn cảnh giới dành riêng cho bậc Bát-lai, có tên gọi là cõi Tịnh-cư (suddhavāsa). Vị Bát-lai sanh về cõi này phải chứng đạt Ngũ-Thiền Sắc-giới và có một trong năm quyền mạnh:

Nếu Tín-quyền mạnh thì sanh về cõi Vô-phiền (avihā).

Nếu Tấn-quyền mạnh thì sanh về cõi Vô-nhiệt (aṭapā).

Nếu Niệm-quyền mạnh thì sanh về cõi Thiện-hiện (sudassā).

Nếu Định-quyền mạnh thì sanh về cõi Thiện-kiến (sudassī).

Nếu Tuệ-quyền mạnh thì sanh về cõi Sắc-cứu-cánh (akannitṭha). Và vị này chắc chắn đạt quả A-la-hán trong kiếp ở cõi này.

Nếu năm Quyền đồng đẳng thì sanh về cõi Quảng-quả.

Vị Thánh ở cõi Quảng-quả, nếu chưa chứng đạt A-la-hán sẽ sanh lại cõi này cho đến khi nào chứng đạt A-la-hán và Níp-bàn ở cõi ấy.

Về chủng Bất-hườn có năm chủng là:

- 1) Vị Thánh Bất-lai sanh về cõi Tịnh-cư, chứng đạt A-la-hán ở cõi ấy trong nửa tuổi thọ trở về trước, gọi là Trung-bang Bất-hườn (antāra parinibbāyī).
- 2) Nếu chứng đạt A-la-hán trong nửa tuổi thọ về sau ở cõi Tịnh-cư ấy, gọi là Sanh-bang Bất-hườn (upabacca parinibbāyī).
- 3) Vị Thánh Bất-lai khi tu-tiến không cần cảnh rõ rệt cũng chứng đắc quả A-la-hán, không cần phải tinh-tấn nhiều (hành dị) gọi là Vô-hành-bang Bất-hườn (asañkhāra parinibbāyī).
- 4) Vị Thánh Bất-lai khi tu-tiến phải có cảnh rõ rệt, cần phải tinh-cần nhiều (hành nan) mới chứng đắc quả A-la-hán gọi là Hữu-hành-bang Bất-hườn (sasañkhāra parinibbāyī).
- 5) Vị Thánh Bất-lai sanh về cõi Tịnh-cư nhưng phải sanh lên cõi cao hơn đến cõi Sắc-cứu-cánh chứng đạt quả A-la-hán, gọi là Thượng-lưu-bang Bất-hườn.

Sở dĩ có những chủng như thế là do Pháp-độ và năm Quyền mạnh yếu, nhất là Tuệ-quyền.

Bậc Trung-bang Bất-hườn là do Pháp-độ già mạnh, nếu năm quyền mạnh nhất là Tuệ-quyền thì sẽ là bậc Vô-hành-bang Bất-hườn. Còn năm quyền yếu nhất là Tuệ-quyền thì là Hữu-hành-bang Bất-hườn.

Bậc Sanh-bang Bất-hườn là do Pháp-độ chưa già mạnh, nếu năm quyền mạnh nhất là Tuệ-quyền sẽ là bậc Vô-hành-bang Bất-hườn, nếu năm quyền yếu nhất là Tuệ-quyền yếu thì là Hữu-hành-bang Bất-hườn.

Bậc Thượng-lưu-bang Bất-hườn là do Pháp-độ yếu, nhất là xuất ly độ không mạnh mẽ. Như bà Visākhā, đức Đế-thích...

100/ **Hỏi:** BẬC THÁNH TỨ-QUẢ CÓ BAO NHIÊU BẬC? HÃY GIẢI THÍCH?

Đáp:

Bậc Thánh A-la-hán có hai bậc là:

- Bậc Lạc-quán (sukhavipassanā).
- Bậc có thiền chứng, tức bậc có thiền hiệp-thể (lokiyajhāna).

Hành giả hành vipassanā, tu-tiến thành tựu Đạo-quả A-la-hán, nhưng không chứng thiền Chi-tịnh, chỉ thuần vipassanā, khi đạt quả A-la-hán, gọi là bậc A-la-hán Tuệ-giải-thoát (paññāvimutti arahatta).

Hành giả tu-tiến thành đạt A-la-hán, trước khi tu-tiến Minh-sát, vị này chứng đạt thiền hiệp-thể, quán xét chi thiền thành tựu Đạo-quả, bậc này được gọi là A-la-hán Tâm-giải-thoát (cittāvimutti arahatta).

Bậc A-la-hán Tâm-giải-thoát, tùy theo quyền mạnh hay yếu và sự thành đạt, được phân thành ba bậc là:

1- A-la-hán Tam-minh (tevijjo arahatta): Tức là bậc này chứng đạt được Túc-mạng-minh (pubbenivāsānussatiññāṇa), Sanh-tử-minh (cutūpa-pāṭaññāṇa) và Lậu-tận-minh (āsavakkhayaññāṇa).

2- Bậc A-la-hán Lục-thông (chaḷābhiññāṇa) là Bậc A-la-hán có đủ sáu pháp thông:

Thiên-nhân-thông (dibbacakkhuññāṇa).
Thần-túc-thông (iddhiññāṇa).
Tha-tâm-thông (ceṭopariññāṇa).
Túc-mạng-thông (pubbenivāsānussaṭiññāṇa).
Thiên-nhĩ-thông (dibbasoṭaññāṇa).
Lậu-tận-thông (āsavakkhayaññāṇa).

3- Bậc A-la-hán Tuệ-phân-tích (paṭisamphidāpaṭṭa arahatta), là vị A-la-hán có Tuệ-quyền mạnh, thông đạt được bốn điều:

Thông-đạt-nghĩa-lý (aṭṭhapatisambhidā).
Thông-đạt-pháp (dhammapatisambhidā).
Thông-đạt-từ-ngữ (nirīṭṭipatisambhidā).
Thông-đạt-biện-tài (paṭibhānappatisambhidā).

4- Nếu kể thêm bậc A-la-hán Nhất-minh (sukhavipassako), thành ra bốn bậc A-la-hán.

Lại nữa, Bậc A-la-hán Tâm-giải-thoát, nói về đặc chứng thiên hiệp-thế có hai bậc:

- Bậc chưa chứng đạt trọn vẹn tám thiên chứng.
- Bậc chứng đạt trọn vẹn tám thiên chứng. Bậc này được gọi là Lương-biên giải-thoát (ubhaṭobhāgavimutti arahatta).

Như vậy, nếu kể rộng có năm bậc A-la-hán là:

- A-la-hán Câu-phần giải-thoát.
- A-la-hán Tam-minh.
- A-la-hán Lục-thông.
- A-la-hán Tuệ-phân-tích.
- A-la-hán Nhất-minh.

-ooOoo-

TỔNG KẾT

Có 89 hay 121 tâm được phân theo 9 khía cạnh (naya), khía cạnh nào cũng bao gồm số lượng tâm như vậy. Ví như trong một gia tộc có bao nhiêu người đó, nếu phân theo khía cạnh giới tính thì có bao nhiêu người này là nam, bao nhiêu người này là nữ, nếu phân theo tuổi tác thì có bao nhiêu người này là thiếu niên, số lượng trung niên có chừng này và lão niên thì được bao nhiêu đây...

1. Tâm phân theo chủng (jāti) hay giống (sañjātibhedanaya), có bốn giống là:

- Giống bất-thiện (akusalajāti): Có 12 tâm bất-thiện.
- Giống thiện (kusalajāti): Có 37 tâm là: 8 đại-thiện, 9 thiện Đáo-đại và 20 tâm đạo. Sở dĩ, tâm đạo được gọi là giống thiện vì nó còn lưu chủng tử để tạo tâm quả Siêu-thế.
- Giống quả (vipākajāti) có 52 Tâm: 7 tâm quả bất-thiện, 25 tâm dị thực thiện Hiệp-thế và 20 tâm quả Siêu-thế.
- Giống hạnh (kriyājāti) có 20 Tâm: 3 Tâm-hạnh vô-nhân, 17 Tâm-hạnh hữu-nhân.

2. Tâm phân theo giới vực (bhūmibedanaya). Có 4 giới vực (bhūmi) là:

- Tâm Dục-giới (kāmaciṭṭa) có 54 tâm.
- Tâm Sắc-giới (rūpacīṭṭa) có 15 Tâm.
- Tâm Vô-sắc-giới (arūpacīṭṭa) có 12 Tâm.
- Tâm Siêu-thế (lokuṭṭaracīṭṭa) có 8 hay 40 Tâm.

3. Tâm phân theo bản chất (sobhaṇabhedanaya):

- Tâm Vô-tịnh-hảo (asobhaṇacitta) có 30 Tâm: 12 tâm bất-thiện, 18 tâm vô-nhân (aheṭukacitta).

- Tâm Tịnh-hảo (sobhaṇacitta) có 91 Tâm: 24 tâm Dục-giới Tịnh-hảo, 27 tâm thiên hiệp-thế, 40 tâm Siêu-thế.

4. Tâm phân theo đời (thế-gian) (lokabhedanaya), có hai loại:

- Tâm Hiệp-thế (lokiyacitta) có 81 Tâm.

- Tâm Siêu-thế (lokuṭṭaracitta) có 8 hay 40 tâm Siêu-thế.

5. Tâm phân theo nhân tương-ung (heṭu sampayuttaṃ bhedanaya): có hai loại:

- Tâm vô-nhân (aheṭuka citta): có 18 tâm vô-nhân.

- Tâm hữu-nhân (saheṭuka citta): có 103 Tâm.

6. Tâm phân theo thiên (jhānabhedanaya):

- Tâm vô-thiền (ajhānacitta): có 54 tâm Dục-giới.

- Tâm hữu-thiền (jhānacitta) có 67 tâm là 27 tâm Đáo-đại, 40 tâm Siêu-thế.

7. Tâm phân theo thọ (vedanābhedanaya). Có năm loại là:

- Tâm câu hành-lạc (sukhasahagatacitta) có 1 là thân.

- Tâm câu hành-khổ (dukkhasahagatacitta) có 1 là Thân-thức thọ-khổ.

- Tâm câu hành-hỷ (somanassa sahaṅga citta) có 62: 4 tâm tham câu hành-hỷ, 2 tâm vô-nhân câu hành-hỷ, 56 tâm Tịnh-hảo câu hành-hỷ.

- Tâm câu hành-uru (domanassa sahaṅga citta): có 2 tâm sân.

- Tâm câu hành-xả (upekkhā sahaṅga citta): có 55 Tâm: 6 tâm xả-thọ bất-thiện, 14 tâm vô-nhân xả-thọ, 35 tâm Tịnh-hảo xả-thọ.

8. Tâm phân theo tương-ung (sampayogocitta):

- Tâm tương-ung (sampayutta citta): có 87 Tâm: 4 tâm tương-ung kiến, 2 tâm sân tương-ung phần-nộ, 2 tâm si, 12 tâm Tịnh-hảo tương-ung trí và 67 tâm thiên.

- Tâm bất tương-ung (vippayutta citta): có 34 Tâm: 4 tâm tham bất tương-ung, 18 tâm vô-nhân, 12 tâm Tịnh-hảo bất tương-ung trí.

9. Tâm phân theo trợ giúp: (saṅkhārabhedanaya)

- Tâm vô-trợ (asaṅkhāracitta): có 37 Tâm: 4 tâm tham vô-trợ, 1 tâm sân vô-trợ, 2 tâm si, 18 tâm vô-nhân, 12 tâm Tịnh-hảo Dục-giới vô-trợ.

- Tâm hữu-trợ (saṅkhāra citta): có 84 Tâm: 5 tâm bất-thiện hữu-trợ, 12 tâm Dục-Giới Tịnh-hảo hữu-trợ và 67 tâm thiên.

Sở dĩ 67 tâm thiên được xem là hữu-trợ, do không phải đột nhiên tự khởi hiện theo lẽ thường nhiên, phải kiên trì tu-tiến, ý trạo đi trạo lại nhiều lần mới thành tựu được.

Còn 18 tâm vô-nhân được xem như là tâm vô-trợ, bởi vì nó khởi lên theo tính chất tự nhiên, nương theo sự vận hành pháp, tức là loại tâm khởi lên theo tính chất máy móc, không cần phải có sự kích động mạnh.

DỨT PHẦN TÂM VẤN ĐÁP.

Soạn xong ngày 12.9.1993
(Ngày mùng 07 tháng 8 năm Quý Dậu)
CHÙA THIÊN QUANG II,
Long Thành, mùa An cư, PL 2537.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Minh Tịnh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 02-2003)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 24-08-2003